



KHẢO SÁT TÌNH TRẠNG VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

1. THÔNG TIN KHẢO SÁT:

- Thời gian khảo sát: ngày 24, 25, 27, 28, 29, 30, 31/10/2014.
- Đối tượng khảo sát: là những sinh viên vừa tốt nghiệp một năm được chọn ngẫu nhiên.
- Quy trình khảo sát: nhân viên phòng Quản lý đào tạo thông qua 5 câu hỏi liên quan đến việc làm của sinh viên và gọi điện thoại hỏi về tình trạng việc làm của các bạn sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường.
- Tổng số phiếu khảo sát: 561.

Khoa	Số phiếu khảo sát
CD (Cao đẳng chính quy)	52
DB (Đào tạo đặc biệt)	50
KI (Kinh tế và Luật)	50
KK (Kế toán - Kiểm toán)	51
KT (Xây dựng và điện)	56
NN (Ngoại ngữ)	50
QT (Quản trị kinh doanh)	50
SH (Công nghệ sinh học)	51
TC (Tài chính - Ngân hàng)	51
TH (Công nghệ thông tin)	50
XH (Xã hội học - Công tác xã hội - Đông Nam Á học)	50
Tổng cộng	561

2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT:

2.1. Tình hình việc làm của sinh viên:

Tình hình việc làm của sinh viên	Số sinh viên	Tỷ lệ
Có việc làm	487	87%
Chưa có việc làm	74	13%
Tổng cộng	561	100%

- Đại đa số sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường chiếm tỷ lệ 87%.
- Số sinh viên chưa có việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường chiếm tỷ lệ 13% cụ thể:

Khoa	Số lượng SV có việc làm	Tỷ lệ SV có việc làm (%)	Số lượng SV chưa có việc làm	Tỷ lệ SV chưa có việc làm (%)
CD (Cao đẳng chính quy)	46	88%	6	12%
DB (Đào tạo đặc biệt)	48	96%	2	4%
KI (Kinh tế và Luật)	45	90%	5	10%
KK (Kế toán - Kiểm toán)	43	84%	8	16%
KT (Xây dựng và điện)	49	88%	7	13%
NN (Ngoại ngữ)	46	92%	4	8%
QT (Quản trị kinh doanh)	48	96%	2	4%
SH (Công nghệ sinh học)	41	80%	10	20%
TC (Tài chính - Ngân hàng)	42	82%	9	18%
TH (Công nghệ thông tin)	43	86%	7	14%

XH (Xã hội học - Công tác xã hội - Đông Nam Á học)	36	72%	14	28%
Tổng cộng	487		74	

- Khoa Đào tạo đặc biệt và Quản trị kinh doanh có tỷ lệ sinh viên có việc làm cao nhất 96%.
- Khoa Xã hội học - Công tác xã hội - Đông Nam Á học có tỷ lệ sinh viên có việc làm thấp nhất 72%.

2.2. Thời gian tìm được việc làm:

Thời gian tìm được việc làm	Số sinh viên	Tỷ lệ
Có việc làm trước khi tốt nghiệp	152	31%
Dưới 3 tháng	189	39%
Dưới 6 tháng	102	21%
Dưới 12 tháng	36	7%
Trên 12 tháng	8	2%
Tổng cộng	487	100

- Đại đa số sinh viên tìm được việc làm dưới 6 tháng chiếm tỷ lệ 91%, cụ thể:
 - ✓ Có việc làm trước khi tốt nghiệp chiếm tỷ lệ 31%.
 - ✓ Dưới 3 tháng chiếm tỷ lệ 39%.
 - ✓ Dưới 6 tháng chiếm tỷ lệ 21%.
- Khoa Công nghệ thông tin có tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm trước khi tốt nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất 47%.
- Khoa Xây dựng và điện có tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm dưới 3 tháng chiếm tỷ lệ cao nhất 53%.
- Khoa Tài chính – Ngân hàng có tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm dưới 6 tháng chiếm tỷ lệ cao nhất 29%.
- Khoa Công nghệ sinh học có tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm dưới 12 tháng chiếm tỷ lệ cao nhất 17%.
- Khoa Xã hội học – Công tác xã hội – Đông Nam Á học có tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm trên 12 tháng chiếm tỷ lệ cao nhất 6%.

	Có việc làm trước khi tốt nghiệp	Tỷ lệ có việc làm trước khi tốt nghiệp	Dưới 3 tháng	Tỷ lệ có việc làm dưới 3 tháng	Dưới 6 tháng	Tỷ lệ có việc làm dưới 6 tháng	Dưới 12 tháng	Tỷ lệ có việc làm dưới 12 tháng	Trên 12 tháng	Tỷ lệ có việc làm trên 12 tháng	Tổng cộng
CD (Cao đẳng chính quy)	17	37%	13	28%	9	20%	6	13%	1	2%	46
DB (Đào tạo đặc biệt)	17	35%	22	46%	7	15%	2	4%	0	0%	48
KI (Kinh tế và Luật)	18	40%	18	40%	6	13%	3	7%	0	0%	45
<K (Kế toán - Kiểm toán)	13	30%	18	42%	9	21%	2	5%	1	2%	43
<T (Xây dựng và điện)	9	18%	26	53%	12	24%	1	2%	1	2%	49
NN (Ngoại ngữ)	15	33%	19	41%	8	17%	4	9%	0	0%	46
QT (Quản trị kinh doanh)	18	38%	17	35%	11	23%	1	2%	1	2%	48
SH (Công nghệ sinh học)	6	15%	15	37%	11	27%	7	17%	2	5%	41
TC (Tài chính - Ngân hàng)	9	21%	16	38%	12	29%	5	12%	0	0%	42
TH (Công nghệ thông tin)	20	47%	15	35%	7	16%	1	2%	0	0%	43
XH (Xã hội học - Công tác xã hội - Đông Nam Á học)	10	28%	10	28%	10	28%	4	11%	2	6%	36
Tổng cộng	152		189		102		36		8		487

Thành phần kinh tế	Số sinh viên	Tỷ lệ
Cơ quan nhà nước	45	9%
Tự kinh doanh	11	2%
Doanh nghiệp tư nhân	345	71%
Doanh nghiệp nhà nước	79	16%
Khác	7	1%
Tổng cộng	487	100%

	Cơ quan nhà nước	Tự kinh doanh	Doanh nghiệp tư nhân	Doanh nghiệp nhà nước	Khác	Tổng cộng
CD (Cao đẳng chính quy)	3	1	37	5	0	46
DB (Đào tạo đặc biệt)	4	1	37	5	1	48
KI (Kinh tế và Luật)	14	0	27	4	0	45
KK (Kế toán - Kiểm toán)	6	0	28	9	0	43
KT (Xây dựng và điện)	0	2	31	16	0	49
NN (Ngoại ngữ)	2	2	37	3	2	46
QT (Quản trị kinh doanh)	1	0	43	4	0	48
SH (Công nghệ sinh học)	1	2	37	1	0	41
TC (Tài chính - Ngân hàng)	4	0	23	14	1	42
TH (Công nghệ thông tin)	0	2	25	16	0	43
XH (Xã hội học - Công tác xã hội - Đông Nam Á học)	10	1	20	2	3	36
Tổng cộng	45 (9%)	11 (2%)	345 (71%)	79 (16%)	7 (1%)	487

- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên các khoa chủ yếu làm việc trong doanh nghiệp tư nhân chiếm tỷ lệ 71%. Kế đến, sinh viên làm việc trong doanh nghiệp nhà nước chiếm tỷ lệ 16%, cơ quan nhà nước chiếm tỷ lệ 9%, sinh viên tự kinh doanh 2% và làm việc trong thành phần kinh tế khác chiếm tỷ lệ rất thấp 1%.

2.3. Mức độ phù hợp của công việc so với ngành đào tạo:

Mức độ phù hợp của công việc so với ngành đào tạo	Số sinh viên	Tỷ lệ
Không phù hợp	103	21%
Phù hợp ít	64	13%
Phù hợp trung bình	77	16%
Khá phù hợp	116	24%
Hoàn toàn phù hợp	127	26%
Tổng cộng	487	100

- Nhìn chung, sinh viên có công việc phù hợp với ngành đào tạo đã học tại trường từ mức trung bình trở lên chiếm tỷ lệ 66%, cụ thể:
 - ✓ Hoàn toàn phù hợp chiếm tỷ lệ 26%.
 - ✓ Khá phù hợp chiếm tỷ lệ 24%.
 - ✓ Phù hợp trung bình chiếm tỷ lệ 16%.
- Sinh viên khoa Ngoại ngữ có công việc hoàn toàn phù hợp với ngành học chiếm tỷ lệ cao nhất 52%. Kế đến là sinh viên khoa Kinh tế và Luật chiếm tỷ lệ 27%.
- Sinh viên khoa Xây dựng và điện có công việc khá phù hợp với ngành học chiếm tỷ lệ cao nhất 33%. Kế đến là sinh viên khoa Ngoại ngữ và Kế toán - Kiểm toán chiếm tỷ lệ 30%.

- Sinh viên khoa Kinh tế và Luật có công việc phù hợp trung bình với ngành học chiếm tỷ lệ cao nhất 22%. Kế đến là sinh viên khoa Kế toán - Kiểm toán, Đào tạo đặc biệt và Quản trị kinh doanh chiếm tỷ lệ 19%.
- Sinh viên khoa Công nghệ thông tin có công việc phù hợp ít với ngành học chiếm tỷ lệ cao nhất 23%.
- Sinh viên khoa Xã hội học - Công tác xã hội - Đông Nam Á học có công việc không phù hợp với ngành học chiếm tỷ lệ cao nhất 44%. Điều này hoàn toàn phù hợp vì Khoa Xã hội học - Công tác xã hội - Đông Nam Á học có tỷ lệ sinh viên có việc làm thấp nhất 72% và có tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm trên 12 tháng chiếm tỷ lệ cao nhất 6%.

	Không phù hợp	Tỷ lệ không phù hợp	Phù hợp ít	Tỷ lệ phù hợp ít	Phù hợp trung bình	Tỷ lệ phù hợp trung bình	Khá phù hợp	Tỷ lệ khá phù hợp	Hoàn toàn phù hợp	Tỷ lệ hoàn toàn phù hợp	Tổng cộng
CD (Cao đẳng chính quy)	14	30%	5	11%	8	17%	8	17%	11	24%	46
DB (Đào tạo đặc biệt)	8	17%	8	17%	9	19%	11	23%	12	25%	48
KI (Kinh tế và Luật)	5	11%	7	16%	10	22%	11	24%	12	27%	45
KK (Kế toán - Kiểm toán)	7	16%	4	9%	8	19%	13	30%	11	26%	43
KT (Xây dựng và điện)	8	16%	5	10%	9	18%	16	33%	11	22%	49
NN (Ngoại ngữ)	1	2%	3	7%	4	9%	14	30%	24	52%	46
QT (Quản trị kinh doanh)	8	17%	9	19%	9	19%	10	21%	12	25%	48
SH (Công nghệ sinh học)	15	37%	5	12%	5	12%	6	15%	10	24%	41
TC (Tài chính - Ngân hàng)	10	24%	5	12%	6	14%	10	24%	11	26%	42
TH (Công nghệ thông tin)	11	26%	10	23%	6	14%	8	19%	8	19%	43
XH (Xã hội học - Công tác xã hội - Đông Nam Á học)	16	44%	3	8%	3	8%	9	25%	5	14%	36
Tổng cộng	103		64		77		116		127		487

2.4. Mức thu nhập bình quân/tháng:

Mức thu nhập bình quân/tháng	Số sinh viên	Tỷ lệ
Dưới 3 triệu	20	4%
Dưới 5 triệu	178	37%
Trên 5 triệu	256	53%
Trên 10 triệu	26	5%
Trên 15 triệu	7	1%
Tổng cộng	487	100

	Dưới 3 triệu	Tỷ lệ dưới 3 triệu	Dưới 5 triệu	Tỷ lệ dưới 5 triệu	Trên 5 triệu	Tỷ lệ trên 5 triệu	Trên 10 triệu	Tỷ lệ trên 10 triệu	Trên 15 triệu	Tỷ lệ trên 15 triệu	Tổng cộng
CD (Cao đẳng chính quy)	7	15%	19	41%	17	37%	3	7%	0	0%	46
DB (Đào tạo đặc biệt)	0	0%	10	21%	30	63%	6	13%	2	4%	48
KI (Kinh tế và Luật)	1	2%	21	47%	19	42%	3	7%	1	2%	45
KK (Kế toán - Kiểm toán)	0	0%	21	49%	22	51%	0	0%	0	0%	43
KT (Xây dựng và điện)	1	2%	9	18%	34	69%	4	8%	1	2%	49
NN (Ngoại ngữ)	2	4%	13	28%	31	67%	0	0%	0	0%	46
QT (Quản trị kinh doanh)	0	0%	22	46%	22	46%	3	6%	1	2%	48
SH (Công nghệ sinh học)	3	7%	14	34%	24	59%	0	0%	0	0%	41
TC (Tài chính - Ngân hàng)	1	2%	16	38%	25	60%	0	0%	0	0%	42
TH (Công nghệ thông tin)	0	0%	14	33%	20	47%	7	16%	2	5%	43
XH (Xã hội học - Công tác xã hội - Đông Nam Á học)	5	14%	19	53%	12	33%	0	0%	0	0%	36
Tổng cộng	20		178		256		26		7		487


Đa số sinh viên tốt nghiệp có mức thu nhập trên 5 triệu chiếm tỷ lệ 53%, cụ thể:

- Sinh viên Khoa Công nghệ thông tin có mức thu nhập trên 15 triệu chiếm tỷ lệ cao nhất 5%.
- Sinh viên Khoa Công nghệ thông tin có mức thu nhập trên 10 triệu chiếm tỷ lệ cao nhất 16%.
- Sinh viên Khoa Xây dựng và điện có mức thu nhập trên 5 triệu chiếm tỷ lệ cao nhất 69%.
- Sinh viên Khoa Xây dựng và điện có mức thu nhập dưới 5 triệu chiếm tỷ lệ thấp nhất 18%.
- Khoa Đào tạo đặc biệt, Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Kế toán - Kiểm toán không có sinh viên có mức thu nhập dưới 3 triệu.

KẾT LUẬN:

- Sau khi tốt nghiệp 1 năm đa số sinh viên đều có việc làm chiếm tỷ lệ 87%.
- Thời gian chủ yếu tìm được việc làm dưới 6 tháng chiếm tỷ lệ 91%.
- Sinh viên các khoa chủ yếu làm việc trong doanh nghiệp tư nhân chiếm tỷ lệ 71%.
- Sinh viên có công việc phù hợp với ngành đào tạo đã học tại trường từ mức trung bình trở lên chiếm tỷ lệ 66%.
- Sinh viên tốt nghiệp có mức thu nhập trên 5 triệu chiếm tỷ lệ 53%.

Ban Giám Hiệu



Đỗ Thị Chanh Châu

Người viết báo cáo



Huỳnh Gia Xuyên